

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 9 - 2021

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lữ Thành Đồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lam Minh Tâm

2. Ông Lê Minh Thật

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Mạch Văn Hiếu - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc L, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 3, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Diệu T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp 3, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Ngọc L trình bày:*

Chị L và anh T kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Ng (giới tính nam), sinh ngày 18/4/2006; Nguyễn Thị Mộng C (giới tính nữ), sinh ngày 15/5/2009, các cháu hiện đang sống chung với chị L, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 07/6/2021 và bản tự khai ngày 20/9/2021 bị đơn anh Nguyễn Diệu T trình bày:*

Anh T với chị Trần Ngọc L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và chung sống với nhau tại ấp 3, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Hiện anh chị không còn sống chung với nhau, nay chị Lũng yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Ng và Nguyễn Thị Mộng C, con hiện đang sống chung với chị L, anh yêu cầu được nuôi Nguyễn Văn Ng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc L đối với anh Nguyễn Diệu T. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Ngọc L yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc Lũng thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân một thời gian dài, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Căn cứ vào kết quả xác minh, lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở chứng minh rằng quan hệ của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Nhận thấy chị L và anh T đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 cho đến nay, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; anh T yêu cầu được nuôi cháu Ng, không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, từ khi anh chị ly thân cho đến nay thì cháu Nguyễn Văn Ng và cháu Nguyễn Thị Mộng C sống chung với chị L. Hơn nữa, cháu Ng và cháu C trên 07 tuổi, nguyện vọng của các cháu khi cha mẹ ly hôn là được sống chung với chị L. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của các cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc đương sự phải nộp phải quy định.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc L với anh Nguyễn Diệu T.

Về con chung: Chị Trần Ngọc L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vân Ng (giới tính nam), sinh ngày 18/4/2006; Nguyễn Thị Mộng C (giới tính nữ), sinh ngày 15/5/2009. Anh Nguyễn Diệu T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Diệu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Ngọc L phải nộp 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006842 phiếu lập ngày 13/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Như vậy nguyên đơn Trần Ngọc L được nhận lại 225.000<sup>d</sup> (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn Nguyễn Diệu Tâm phải nộp 75.000<sup>d</sup> (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lữ Thành Đồng**